

SOME POLICIES OF THE FRENCH COLONIAL GOVERNMENT TOWARDS THE CHINESE IN SOUTH VIETNAM FROM 1862 TO 1945

Nguyen Cao Lam

Ho Chi Minh City Cadre Academy

Email: nguyencaolam83@gmail.com

Received: 22/4/2022; Reviewed: 10/5/2022; Revised: 17/5/2022; Accepted: 30/5/2022; Released: 21/6/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/691>

During the French colonial period, the Chinese community in the South became the object of the French's interest, the French government not only controlled the number of Chinese immigrants to Vietnam but also implemented the taxes on their business. This greatly affects the development process of the Chinese community migrating to Vietnam in general, and their political and social status in particular. Like the Nguyen Dynasty, the French colonial government implemented a policy of "divide and rule" that is, grouping Chinese immigrants into different categories and giving them different rights. The article contributes to clarifying a number of policies of the French government towards the Chinese in the South from 1862 to 1945.

Keywords: *Chinese in the South; Policy; French government.*

1. Đặt vấn đề

Cũng như cộng đồng người Việt, cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ cũng chịu sự tác động mạnh mẽ bởi các chính sách cai trị của chính quyền thực dân Pháp lên mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có sự can thiệp vào thể chế hoạt động của các tổ chức xã hội bang, hội của người Hoa nhằm khai thác khả năng thương mại, chia rẽ khối cộng đồng người Hoa ra khỏi người Việt, phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Tuy nhiên, trước những khó khăn, thử thách đó, các tổ chức xã hội truyền thống của người Hoa ở Nam Bộ đã luôn tích cực hoạt động để hỗ trợ, giúp đỡ nhau, đồng thời qua đó tăng thêm sự cố kết lẫn nhau trong cộng đồng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Một số tác giả như Châu Thị Hải, Đỗ Quỳnh Nga, Dương Văn Huy, Nguyễn Đình Cơ... lại đi sâu nghiên cứu về chính sách của Nhà nước Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử dành cho cộng đồng người Hoa, nhất là các triều đại quân chủ Việt Nam. Tác giả Châu Thị Hải trong bài viết *Triều Nguyễn với các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XIX*, in trong "Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn", tác giả đã trình bày một cách hệ thống chính sách của triều Nguyễn đối với người Hoa trên các nhập cảnh, cư trú, chuyên quốc tịch, vấn đề thuế khóa, an ninh trật tự và vấn đề xã hội.

Năm 2005, trong Luận án khoa học Lịch sử "Chính sách của các vương triều Việt Nam đối với người Hoa" của Huỳnh Ngọc Đáng, trên cơ sở nhiều nguồn tư liệu, tác giả đã góp phần làm rõ các chính sách kinh tế, xã hội của triều các vương triều quân chủ Việt Nam từ Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc, Lê - Trịnh đến hết triều Nguyễn thời kỳ độc lập (1884). Từ đó, tác giả đã đưa ra những nhận định đánh giá quan trọng các chính sách vừa có tính tiếp nối, vừa có sự cải biến của các vương triều đối với người Hoa.

Tác giả Dương Văn Huy (2015) trong bài viết *Chính sách của chính quyền phong kiến Việt Nam đối với người Hoa ở phía Bắc thế kỷ XVI-XVIII*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5, đã khảo cứu rất cụ thể các chính sách ổn định đời sống của người Hoa khi đến miền Bắc Việt Nam (gồm lập thương điếm, lập làng sinh sống), đồng thời một số biện pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ thương nhân, thợ thủ công người Hoa làm việc trong các hầm mỏ ở phía Bắc của chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài. Cũng về chủ đề này, trong bài viết *Một số chính sách quản lý sự nhập cư - cư trú của người Hoa và người Khmer tại Nam Bộ dưới triều Nguyễn*, Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, số 1, của Lê Thị Vĩ Phương (2016) lại làm rõ những chính sách của nhà Nguyễn trong việc quản lý nhập cư và cư trú của hai bộ phận người Hoa và người Khmer tại Nam Bộ.

Tác giả Nguyễn Đình Cơ (2017) trong chuyên luận *Chính sách sử dụng người Hoa và công cuộc khai phá vùng đất Nam Bộ của chính quyền chúa Nguyễn thế kỷ XVII-XVIII*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1, đã đi sâu tìm hiểu về những đóng góp của người Hoa trong công cuộc mở đất Nam Bộ với hai vấn đề trọng tâm là: Chính sách của các chúa Nguyễn đối với lực lượng người Hoa; đóng góp của lực lượng người Hoa vào công cuộc khai phá vùng đất Nam Bộ.

Qua các công trình nghiên cứu trên cho thấy, nhiều tác giả đã tiếp cận đến vấn đề chính sách của các chính quyền ở Việt Nam đối với người Hoa. Nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề chính sách của chính quyền thuộc địa Pháp đối với người Hoa ở Nam Bộ Việt Nam giai đoạn từ năm 1862 đến năm 1945.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài được tiếp cận trên cơ sở phương pháp luận là nguyên tắc toàn diện và lịch sử cụ thể của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, bài viết này cũng được triển khai qua các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như: Phương pháp logic và lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp đối chiếu, so sánh.

4. Kết quả nghiên cứu

Bài viết nghiên cứu chính sách của chính quyền thực dân Pháp đối với người Hoa ở Nam Bộ Việt Nam trên một số lĩnh vực như: Đối với thiết chế xã hội của người Hoa, nhân khẩu và vấn đề di lại của người Hoa. Với chính sách của chính quyền thực dân Pháp đối với người Hoa sẽ tác động đến hoạt động kinh tế và xã hội của người Hoa ở Nam Bộ Việt Nam trong giai đoạn này.

4.1. Thừa nhận và từng bước can thiệp thiết chế xã hội của người Hoa

Từ cuối thế kỷ XVIII đến XIX trước khi Pháp xâm lược, chính quyền chúa Nguyễn (1592-1771) và vương triều Nguyễn (1802-1945) đều thực thi chính sách mềm dẻo đối với người Hoa. Họ không chỉ được phép cư trú vĩnh viễn tại Việt Nam mà còn nhận được nhiều ưu đãi khác như: Được hưởng quyền công dân như người Việt Nam (nếu có nguyện vọng sinh sống lâu dài); không phải làm nghĩa vụ quân dịch và lao động công ích; được trao quyền thu thuế đối với những người giỏi nghề buôn bán và giao dịch; được tham gia vào tất cả các hoạt động kinh tế và nhận được nhiều ưu đãi của chính quyền nhà Nguyễn. Theo quy định của triều Nguyễn, người Hoa đến Việt Nam định cư, sinh sống được nhà chức trách cho miễn tất cả các loại thuế trong ba năm đầu. Các thuyền buôn của người Trung Hoa cập bến tại Việt Nam chỉ phải nộp 2000-3000 quan

tiền thuế nhập cảng, trong khi đó tàu thuyền của các nước Âu Châu phải đóng tới 8000 quan. Về mặt văn hóa, xã hội, người Hoa được phép lập nên những bang hội truyền thống của họ, trên cơ sở đồng hương, đồng phương ngữ, nhằm mục đích “bảo vệ sự an toàn tính mạng, của cải vật chất của người Trung Hoa di cư trên đất khách quê người”. Việc lập các bang của người Hoa đã giúp nhà Nguyễn có thể quản lý việc làm ăn, sinh hoạt và đi lại của người Hoa một cách dễ dàng hơn; thậm chí họ được quyền ra ứng thí, bổ dụng làm quan. Cho nên có thể nói đây là thời kỳ người Hoa gặp nhiều thuận lợi trong việc mưu sinh cũng như việc xây dựng các Hội quán và sinh hoạt cộng đồng của mình.

Khi thực dân Pháp xâm lược, nhất là sau khi Pháp chiếm được 6 tỉnh Nam Kỳ, đây mạnh cuộc “khai thác thuộc địa” đã thu hút lực lượng người Hoa di cư vào Việt Nam ngày càng đông. Về cơ bản, nhằm giữa mối quan hệ hòa hảo với người Hoa, từ sau khi hoàn tất quá trình chiếm đóng Việt Nam, chính quyền Pháp đã công nhận người Hoa sống tại Việt Nam là công dân của Trung Hoa, xác nhận sự bình đẳng giữa người Hoa với người Việt trên nhiều phương diện. Tại điều I của bản Hiệp ước Thiên Tân ký kết vào tháng 6 năm 1885 nhằm kết thúc cuộc chiến tranh Hoa Pháp trên đất Việt đã nêu rất rõ chính sách bảo hộ của Pháp đối với người Hoa ở Việt Nam, theo đó họ được chính quyền bảo hộ Pháp che chở bảo vệ, được hưởng đầy đủ các quyền lợi như các kiều dân nước khác. Với chủ trương đó, nên chính quyền Pháp đã thừa nhận sự tồn tại của các tổ chức xã hội truyền thống của người Trung Hoa trong sự kiểm soát của Pháp. Đối với tổ chức các bang, vẫn được Pháp công nhận và gọi là “*Congrégations*”, tuy nhiên về tổ chức cơ cấu của các bang lại bị Pháp can thiệp điều chỉnh. Năm 1871, chính quyền Pháp cho giải thể 7 bang của người Hoa, xếp loại người Hoa theo địa dư (khu vực cư trú) để lập bang theo phương ngữ. Theo đó, bang Triều Châu được giữ nguyên, bang Quảng Châu được đổi tên thành bang Quảng Đông, bang Phúc Kiến quy tụ những người nói tiếng Phúc Kiến (Phúc Châu và Phúc Kiến); còn 4 bang khác là Lô Châu, Phúc Châu, Quế Châu và Hải Nam bị giải thể. Những nhóm phương ngữ nhỏ gồm những người thuộc bang Lô Châu, Quế Châu, Hải Nam được xếp vào bang Hạ Châu (còn gọi là bang Hệ Hakka). Kết quả là tổ chức bang của người Hoa chỉ còn lại 4 bang, gồm: Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến và Hạ Châu. Đến năm 1885, nhận thấy việc quản lý người Hoa theo 4 bang phương ngữ gặp nhiều khó khăn, nên chính quyền Pháp đã cải tổ thành 5 bang theo địa dư, gồm bang Quảng Châu, bang Triều Châu, bang Phúc Kiến, bang Hải Nam và bang Hệ (Hakka).

Sự can thiệp của Pháp với các thiết chế xã hội người Hoa còn được thể hiện ở khía cạnh Pháp can dự vào việc bầu cử, ra quyết định thừa nhận chức Trưởng bang, dù trên thực tế vẫn cho phép các bang tự bầu lấy Bang trưởng của mình. Trong năm 1875, chính quyền Pháp liên tiếp ban hành các Quyết định ngày 21/1/1875, ngày 4/2/1875 và ngày 10/2/1875 phê duyệt việc bầu cử Ban điều hành các bang ngoại kiều người châu Á tại Sài Gòn; trong đó, có các bang người Hoa.

Theo đó, chức Bang trưởng được đại diện trong bang giới thiệu qua hình thức bầu cử hoặc đề nghị, được lãnh sự quán Trung Hoa dân quốc chấp nhận và chính quyền Pháp chính thức bổ nhiệm. Mục đích việc can thiệp này của Pháp vừa để tách biệt cộng đồng người Hoa ra khỏi cộng đồng xã hội Việt Nam, với các dân tộc Việt Nam, đồng thời vừa tranh giành ảnh hưởng, sự quản lý người Hoa với chính quyền Trung Hoa dân quốc. Do sự can thiệp này, nên hoạt động của các bang, nhất là vai trò của Bang trưởng chịu sự phụ thuộc vào Pháp khi Pháp yêu cầu các Bang trưởng phải có trách nhiệm thu thuế, kiểm soát di dân và ấn định nghĩa vụ trong cộng đồng người Hoa. Rõ ràng Pháp duy trì các bang nhằm để phục vụ lợi ích cho chính quyền Pháp và thực thi chính sách hạn chế lượng người Hoa tự do di cư sang, hạn chế sự gia tăng dân số.

Sự thừa nhận các thiết chế xã hội người Hoa của chính quyền Pháp còn được thể hiện ở việc Pháp yêu cầu mỗi Hoa kiều khi đã định cư ở miền Nam Việt Nam phải có trách nhiệm tham gia vào các bang hội. Trong bản Quy chế các bang hội người Hoa được Pháp ban hành ngày 27/12/1886 nêu rõ khi đã định cư, mỗi kiều dân Trung Hoa phải gia nhập vào một trong năm bang (Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Hạ Châu) để chịu sự quản lý. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, người Hoa cư ngụ trong mỗi phố được quyền thành lập một đại bang gồm 5 bang địa dư để quản lý những vấn đề nội bộ của người Hoa. Các Bang trưởng, Bang phó sẽ thay mặt chính quyền thực dân Pháp thu thuế thân, bù lại họ được toàn quyền quản trị". Đồng thời, thực dân Pháp cũng cho phép người Hoa thành lập nhiều câu lạc bộ như: Câu lạc bộ Thương gia Tân Gia Ba (Singapore), câu lạc bộ Hoa Kiều Quảng Đông, Câu lạc bộ Thương gia Chợ Lớn có quốc tịch Malaysia... để trao đổi hoạt động kinh tế. Đến đầu thế kỷ XX, Hiệp hội bốn bang - tổ chức liên hiệp của bốn bang Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hạ ra đời tại Nam Bộ. Mỗi bang cử đại diện tham gia Ban Chấp hành gọi là Lý Sự hội, Lý Sự hội phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi mặt trước chính quyền và mọi hoạt động của các thành viên trong hiệp hội. Năm 1927, Hiệp hội bốn bang được mở rộng thành Hội Hoa kiều Việt Nam. Lý Sự hội gồm

nhều thành viên và mỗi thành viên chuyên trách về một lĩnh vực, như văn hóa, giáo dục, tài chính, kiểm soát... Đến năm 1946, thông qua Hiệp ước Trung Khánh được ký kết giữa Pháp và Trung Hoa Dân quốc, các bang của người Hoa tại Việt Nam được thay bằng những nhóm Hành chính Trung Hoa địa phương với chức danh đứng đầu là Chủ tịch và dưới Phó Chủ tịch.

Bên cạnh đó, chính quyền Pháp thực thi một số chính sách nói lòng nghĩa vụ của người Hoa. Trong "Hiệp ước Nam Kinh" được ký kết giữa Pháp và Trung Hoa tháng 5 năm 1930, có quy định cho phép Hoa kiều sinh sống tại Việt Nam có thêm một ưu đãi là được miễn hoàn toàn thuế thân. Tất cả các điều này đã tạo nhiều thuận lợi để thu hút di dân Trung Hoa đến Việt Nam, chỉ trong 17 năm (1889-1906), số người Hoa đến Nam Kỳ đã tăng gấp đôi, lên đến 120.000 người, và có gần 1,2 triệu người Hoa di cư sang Việt Nam, cùng lúc khoảng 850.000 người Hoa hồi cố về lại Trung Quốc (Kỳ, 1963).

Đối với bộ phận người Minh Hương ở Nam Bộ (chỉ những người đã sống ở Việt Nam lâu đời), sau khi chiếm được Nam Kỳ, Pháp đã tiến hành cải tổ bốn bang dưới triều Nguyễn (Quảng Châu, Phúc Kiến, Triều Châu và Hải Nam) thành bảy bang, gồm: Quảng Châu, Triều Châu, Kiong tchéou, Phúc Kiến, Hải Nam, Phúc Châu, Hakka. Lúc đầu, chính quyền Pháp vẫn giữ nguyên chính thể, phong tục của người Minh Hương dưới sự bảo trợ của nhà cầm quyền Pháp, về sau Pháp thực hiện chính sách sáp nhập người Minh Hương với người Việt Nam nhưng bị người Minh Hương ở ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên phản đối rất quyết liệt. Bởi vậy, vào ngày 30/4/1870 chính quyền Pháp phải cho phép người Minh Hương ở ba tỉnh này giữ nguyên vẹn chế độ cũ và xác lập xã Minh Hương. Người Pháp đảm bảo cho người Minh Hương ở ba tỉnh này không phải đi công suru, lệ làng và đi lính, nhưng phải chịu thuế nặng hơn người Tàu (Hoa kiều) và người Việt Nam. Chính quyền cho phép họ tự do lựa chọn trở thành người Việt Nam hay giữ nguyên là người Minh Hương. Đến năm 1874, người Minh Hương lại được sáp nhập vào người Việt Nam. Tuy nhiên, Hiệp ước Hoa - Pháp, ngày 28/2 /1946 lại đặt ra vấn đề quốc tịch của người Hoa ở Việt Nam và thiết chế xã hội của họ. Chế độ bang được bãi bỏ, thay bằng những "Nhóm hành chính Trung Hoa địa phương" là do chính quyền Trung Hoa không chấp nhận việc thành lập bang cho người Hoa ở Việt Nam. Họ cho rằng đó là sự chia rẽ dân tộc Trung Hoa của họ ở nước ngoài. Người Hoa ở Việt Nam từ năm 1946 trở đi được hưởng "Quy chế ngoại kiều". Với quy chế này, chính quyền thuộc địa Pháp đã dành cho người Hoa những quyền lợi ngang hoặc hơn cả người Việt, nhất là trong lĩnh vực kinh tế:

chính quyền thuộc địa cho phép người Hoa được độc quyền thu mua lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, lập nhà máy xay lúa gạo, mở cửa hàng thuốc phiện, thầu xây dựng... Việc thương mại trong nước hoàn toàn thuộc vào người ngoại quốc, nhất là Pháp kiều và Hoa kiều. Như vậy, dưới thời Pháp thuộc, vận đê quốc tịch của người Hoa chưa được giải quyết dứt khoát.

4.2. Quản lý khắt khe nhân khẩu và việc đi lại của người Hoa

Trước hết để phục vụ cho chính sách cai trị, Pháp đã buộc nhà Thanh phải để cho lao động Trung Quốc di cư đến xứ Đông Dương. Năm 1865, Pháp đã lập một Sở nhập cư ngay cảng Sài Gòn để đón nhận di cư người Hoa. Việc lập Sở nhập cư này để hạn chế việc nhập cư người Hoa vào miền Nam Việt Nam. Để thực hiện mục đích này, chính quyền thực dân yêu cầu các bang phải có trách nhiệm quản lý chặt chẽ thông qua việc cấp thẻ và kiểm tra những người mới nhập cư. Theo đó, mỗi người dân nhập cư phải có một thẻ làm việc và chỉ có giá trị tạm trú một tháng, ai không có thẻ sẽ bị trục xuất về nước.

Đồng thời chính quyền Pháp yêu cầu kiểm soát khắt khe về nhân khẩu và tài sản của họ. Theo đó, người Hoa phải làm lại sổ bộ, kê khai tỉ mỉ kích thước, trọng tải những con thuyền, kê khai lý lịch rõ ràng, ra khỏi nhà phải có giấy phép của Xã trưởng, đánh trống trong các ngày lễ hội phải xin phép, đi đêm phải có đèn... Đặc biệt, chính quyền Pháp đã yêu cầu giám sát chặt chẽ người Hoa thông qua thẻ chứng minh thư và thẻ khu vực (giấy kiểm sát). Trong văn bản hướng dẫn về việc “Thành lập vùng Kiểm soát người Hoa và chứng minh nhân dân cùng các loại giấy tờ cần thiết cho việc kiểm soát” của Toàn quyền Đông Dương gửi cho các Thị trưởng và Tỉnh trưởng quản lý địa phương (trừ Kouang-Tchéou-Wan) đề ngày 19/3/1936 yêu cầu phải nắm giữ quyền kiểm soát khu vực của người Hoa cố định trong huyện của họ, đã hướng dẫn và thống nhất lại tiêu chí thiết lập chứng minh thư và giấy kiểm soát (Thẻ khu vực) người Hoa. Do đó, hai loại giấy tờ này đều do Sở Di trú và Sở An ninh lập thành hai bản; được hoàn thành với Sở kiểm soát chung. Trên thẻ chứng minh nhân dân và thẻ kiểm soát đều được dán 2 tấm ảnh, ghi tên của chủ sở hữu, của con, vợ hoặc chồng được đánh dấu bằng ký tự riêng, thông tin hộ tịch; tên và biệt hiệu của chủ sở hữu trong phương ngữ thông thường có thể được đặt xen kẽ nhau. Riêng thẻ khu vực được đánh số thứ tự theo các con số. Trên thẻ ngoài ghi thông tin cư trú, còn phải ghi đầy đủ thông tin nơi cư trú cùng những thay đổi ảnh hưởng đến hoàn cảnh của người Hoa như nghề nghiệp, hôn nhân, hoặc những thay đổi dẫn đến việc thu hồi chứng minh nhân dân của họ (kết án nghiêm trọng, trục xuất, nhập tịch, chết).

Khi hết thời hạn hiệu lực, chứng minh nhân dân sẽ được cập nhật lại bởi cơ quan “kiểm soát khu vực” và được gia hạn năm năm một lần.

Chính sách quản lý chặt chẽ này đã góp phần làm thay đổi phần nào cơ cấu, tổ chức chính trị của người Hoa, khi một bộ phận người Hoa cũng được tham gia vào các tổ chức chính quyền. Trong Hiệp ước Pháp - Hoa ký ở Nam Kinh năm 1935, chính quyền Pháp nói lỏng một số chính sách về du lịch, cư trú dành cho người Hoa nhưng lại không được quyền sở hữu các vùng đất đỏ màu mỡ chuyên trồng cây cao su và các loại cây công nghiệp xuất khẩu, ở miền Nam người Hoa không được thầu, thuê các ngư trường của những làng chài được chính quyền cấp tỉnh gọi thầu hàng năm.

Trong đời sống xã hội, cũng như triều Nguyễn, khi thực dân Pháp xâm lược và đặt ách đô hộ ở Nam Kỳ, người Hoa được tự do đi lại, được lấy vợ người bản xứ, kể cả người đã có vợ bên Trung Hoa, có quyền sở hữu bất động sản; các thương nhân Hoa khi ở lại Việt Nam được mở cửa hàng, cửa hiệu, lập phố. Đặc biệt để giữ quan hệ hòa hiếu, Pháp đã có những chính sách “chiêu cố” nhất định đối với tầng lớp trên của người Hoa phát triển về kinh tế và làm đổi trọng bộ phận cư dân khác ở Việt Nam. Chẳng hạn năm 1865, Pháp cho thành lập Hội đồng quản hạt tại Chợ Lớn, gồm 5 người Việt, 15 người Hoa và 5 người Minh Hương. Hội đồng này có nhiệm vụ đón tiếp người Hoa di cư và thu thuế cư trú. Tổ chức này có nhiều quyền hạn như được phép ban hành những luật lệ riêng mà không phải thông qua chính quyền, được định mức xuất nhập cảng, giá bán gạo...

Chính quyền Pháp lợi dụng khả năng thương mại của người Hoa. Nhằm thực hiện chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa ở đất Nam Kỳ, một trong những chính sách quan trọng của Pháp là lợi dụng khả năng thương mại của người Hoa để phục vụ việc vơ vét lúa gạo cho tư bản Pháp xuất khẩu, chủ yếu nhất là thu gom lúa gạo và vận chuyển xuất khẩu lúa gạo sang Trung Quốc, Philippin, Singapo và Ấn Độ, lưu thông hàng hóa giữa Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Để thực hiện chính sách đó, Pháp đã ra sức nâng đỡ một số thương nhân người Hoa gốc Phúc Kiến và Quảng Đông ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ trở nên giàu có, hoặc trở thành địa chủ làm trung gian giúp Pháp giao lưu hàng hóa với những chi nhánh thương mại người Hoa ở miền Tây Bóc-nêô và Mã Lai mà phần lớn họ là những người đồng hương gốc từ Quảng Đông và Phúc Kiến. Để thu được nhiều lợi nhuận, các thương nhân địa chủ người Hoa ở khu vực miền Tây Nam Kỳ đã đi sâu vào quần chúng lao động người Hoa, lợi dụng tình cảm đồng hương, đồng tộc nhằm tranh giành nông phẩm và cạnh tranh quyền

lợi với giai cấp địa chủ Việt Nam, mua lúa non và thực phẩm của người Khmer với giá rẻ. Do những hoạt động thương mại nông phẩm của giới thương lái người Hoa và địa chủ người Hoa ở miền Tây Nam Kỳ mà quan hệ hòa hợp dân tộc giữa nhân dân lao động người Hoa, người Việt, người Khmer đã bị ảnh hưởng, rạn nứt ít nhiều, tạo nên tâm lý kỳ thị, chia rẽ dân tộc sâu sắc.

Ngoài ra, thực dân Pháp cũng thực hiện chế độ: “Kiều dân” đối với tất cả người Hoa ở Việt Nam. Chính sách này phần nào gọi lên tâm trạng “Kiều dân” thuở ban đầu di cư của người Hoa nên cũng có ảnh hưởng đối với họ, gồm cả người Hoa ở thành phố và mới di cư sang Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, cả người Hoa sống xen kẽ ở các vùng nông thôn, rừng núi của Việt Nam vốn đã hòa nhập khá đậm nét với các dân tộc khác trên nhiều lĩnh vực. Chính sách này đã tạo ra lực cản khá nặng nề đối với quá trình hòa nhập một cách tự nhiên của người Hoa vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam, vào xã hội Việt Nam.

Do ảnh hưởng của chính sách khai thác khả năng hoạt động kinh tế thương mại của người Hoa, cùng với chính sách di dân đối với người Hoa vào những vùng khai thác của chính quyền Pháp đã làm cho đời sống xã hội người dân vô cùng cực khổ. Những người làm nông thì phần lớn làm culi cho các chủ đồn điền Pháp. Những nhà trung nông, nhà thung nước mắm bị chính quyền thực dân o ép bằng hàng trăm thứ thuế. Báo cáo của phái đoàn thanh tra Pháp năm 1942 cho thấy phần nào bức tranh âm đăm về cuộc sống nhân dân đảo Phú Quốc thời Pháp như sau: “Người Tàu và người Minh Hương buôn bán và làm nông. Họ sở hữu phần lớn các vườn hồ tiêu và chỉ thuê lao động đồng hương. Trên các đồn điền cao su, trừ đồn điền của Grandjean ở Cây Dừa, phần lớn culi là người Tàu. Những culi này, đa số đến đảo để lánh nạn, sống biệt lập trên các vườn hồ tiêu và đồn điền. Họ ít gây sự với người bản địa. Đó là những lao động tốt, nhưng khó sai bảo và ít ổn định”.

5. Thảo luận

Mặc dù chịu sự tác động của một số chính sách của chính quyền Pháp, song có thể thấy, về tổ chức xã hội, người Hoa ở vùng đất Nam Bộ vẫn gắn bó với nhau trong những hình thức liên kết xã hội truyền thống dựa trên cơ sở quan hệ đồng hương, đồng phương ngữ (bang, hội quán), quan hệ dòng họ (hội tông tộc) hay quan hệ nghề nghiệp (hội nghề nghiệp). Nội dung hoạt động của các dạng tổ chức xã hội này rất phong phú, đa dạng, mang tính tương thân, tương ái, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong làm ăn, mưu sinh, các sinh hoạt văn hoá dân tộc, lễ hội... qua đó, nâng cao đời sống văn hoá vật chất

và tinh thần, góp phần bảo lưu những giá trị văn hoá tộc người.

Các tổ chức xã hội của người Hoa ở Nam Bộ, dù khác nhau về cơ cấu tổ chức, về ngôn ngữ, thậm chí về tập quán sinh hoạt... nhưng các tổ chức này lại mang tính địa phương rất rõ rệt, nhất là tổ chức bang. Các bang đều mang tên địa phương của hầu hết những thành viên trong bang, ví dụ bang Triều Châu, Phúc Kiến, bang Quảng Đông, bang Hải Nam, bang Họ. Tuy trên danh nghĩa các bang phải phục tùng chính sách và mọi quy chế của nhà nước bản địa, thậm chí phục tùng cho chính quyền đô hộ, nhưng trong thực tế tổ chức bang của người Hoa tồn tại một cách biệt lập. Trong từng bang có các tổ chức: tòa án, trường học, hội cứu tế, bệnh viện, thông tin báo chí, cơ quan lãnh sự để trao đổi trực tiếp giữa các bang người Hoa với Nhà nước Trung Hoa của họ. Xét về tính chất chung, đó là những tổ chức vừa mang tính khép kín, vừa mang tính mở. Xét về đặc điểm chung, đó là những tổ chức tụ cư của những người rời xa quê hương bản quán nhằm mưu sinh, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau. Những tổ chức này đều hoạt động dựa trên những nguyên tắc chặt chẽ. Trong suốt một thời gian dài, các tổ chức xã hội truyền thống đã đóng vai trò quan trọng trong mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá của người Hoa. Sự ra đời và tồn tại của các tổ chức xã hội này là tiền đề quan trọng để người Hoa ổn định cuộc sống và nhanh chóng hoà nhập vào cộng đồng người Việt ở Nam Bộ.

6. Kết luận

Có thể thấy, dưới thời Pháp thuộc, cũng như bộ phận cư dân người Việt Nam, cộng đồng người Hoa cũng chịu sự tác động bởi các chính sách cai trị của Pháp về mọi mặt. Đối với đời sống xã hội, mặc dù chính quyền đô hộ vẫn thừa nhận sự tồn tại các tổ chức xã hội của người Hoa nhưng từng bước can thiệp vào hoạt động của các tổ chức xã hội đó, kiểm soát chặt chẽ việc đi lại, nhân khẩu của người Hoa, nhất là sự di cư của người Hoa đến làm ăn sinh sống ở Nam Bộ. Nhưng bên cạnh đó, chính quyền Pháp cũng tranh thủ khả năng hoạt động kinh tế thương mại của người Hoa để phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của mình. Mục đích của các chính sách này, về sâu xa nhằm thực hiện chính sách chia để trị, chia cắt sự đoàn kết, hòa hợp của người Hoa với người dân bản địa.

Tài liệu tham khảo

- An, P. (2005). *Người Hoa ở Nam Bộ*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Đáng, H. N. (Chủ biên, 2010). *Người Hoa ở Bình Dương - Lịch sử và hiện trạng*. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bình Dương. Bản pdf.
- Đệ, N. (2008). *Tổ chức xã hội của người Hoa ở Nam Bộ*. Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Huy, D. V. (2011). *Người Hoa trong xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*. Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học Xã hội.
- Khánh, T. (2002). *Người Hoa trong xã hội Việt Nam: thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Kuey, T. M. (1968). *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Thư viện quốc gia Paris.
- Kỳ, L. N. (1963). *Người Hoa tại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Đại học University of Michigan.
- Litina, & Thúy, N. C. (Chủ biên, 1999). *Bia chữ Hán trong Hội quán người Hoa tại thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Quang, N. P. (2002). Người Hoa trên thị trường lúa gạo Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1945). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1*.
- Sanh, N. V. (Chủ nhiệm, 2006). *Văn hóa và nghệ thuật người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh*. Trung tâm văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tuyết, N. T. Á. (2012). Vai trò của người Hoa trong việc hình thành và phát triển các trung tâm thương mại ở Nam Bộ (thế kỷ XVII-XIX). *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 4, Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- Viện Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam, & Phân viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. (2012). *Đặc khảo văn hóa người Hoa ở Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Yến, L. T. H. (2019). *Hội quán người Hoa ở Nam Bộ từ cuối thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XX*. Luận án tiến sĩ Sử học, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
-

MỘT SỔ CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOA Ở NAM BỘ VIỆT NAM TỪ NĂM 1862 ĐẾN NĂM 1945

Nguyễn Cao Lâm

Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Email: nguyencaolam83@gmail.com

Nhận bài: 22/4/2022; Phân biên: 10/5/2022; Tác giả sửa: 17/5/2022; Duyệt đăng: 30/5/2022; Phát hành: 21/6/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/691>

Dưới thời đất Việt thuộc pháp, cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ trở thành đối tượng quan tâm của người Pháp, chính phủ Pháp không những kiểm soát số lượng người Hoa nhập cư vào Việt Nam mà còn triển khai áp dụng chế độ thu thuế đối với hoạt động kinh doanh của họ. Điều này, tác động rất lớn đến quá trình phát triển của cộng đồng người Trung Hoa di cư đến Việt Nam nói chung, địa vị chính trị, xã hội của họ nói riêng. Giống như triều Nguyễn, chính quyền thực dân Pháp thi hành chính sách “chia để trị” tức phân nhóm người Hoa nhập cư thành nhiều loại khác nhau và cho họ hưởng những quyền khác nhau. Bài viết góp phần làm rõ một sổ chính sách của chính quyền Pháp đối với người Hoa ở Nam Bộ từ năm 1862 đến năm 1945.

Từ khóa: Người Hoa ở Nam Bộ; Chính sách; Chính quyền Pháp.